UBND TỈNH TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8212 /SNNMT-VPĐP
V/v xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng ĐBDTTS và MN năm 2026, giai đoạn 2026-2030

Quảng Trị, ngày 14 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Sở Dân tộc và Tôn giáo

Ngày 23/7/2026 Sở Nông nghiệp và Môi trường có công văn số 6568/SNNMT-VPĐP về việc xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng ĐBDTTS và MN năm 2026, giai đoạn 2026-2030 gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo đề nghị cập nhật lại số thôn sau khi sáp nhập và đưa danh sách thôn, xã cụ thể vào Kế hoạch. Tuy vậy, theo công văn số 984/SDTTG-KHTH ngày 28/7/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo tại thời điểm cuối tháng 7 chưa đủ căn cứ và dữ liệu chính thức để cung cấp danh sách thôn/bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026-2030.

Đến nay, UBND tỉnh đã có Quyết định số 3836/QĐ-UBND ngày 11/9/2026 về việc Phê duyệt điều chỉnh danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn (sau sắp xếp) giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Để có đủ cơ sở tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch và làm căn cứ để phân bổ vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh đề nghị Sở Dân tộc và Tôn giáo rà soát, xây dựng lộ trình các thôn thoát khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026-2030 theo phụ lục I, II (*Có phụ lục đính kèm).* Các nội dung trên gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (thông qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) trước ngày **18/9/2026** để xây dựng Kế hoạch đúng tiến độ.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị đơn vị quan tâm, phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH QUẢNG TRỊ

Trần Đình Hiệp

Phụ lục 01

MỤC TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Văn bản số /SNNMT-VPĐP ngày tháng 9 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu giai đoạn 2026-2030				
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
I	**Cấp xã**						
1	**Xã đạt chuẩn NTM**						
-	Số xã (lũy kế)	xã					
-	Tỷ lệ	%					
2	**Xã đạt chuẩn NTM hiện đại**						
-	Số xã (lũy kế)	xã					
-	Tỷ lệ	%					
3	**Xã thuộc vùng ĐBDTTS miền núi thoát khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn**						
-	Số xã	xã					
-	Tỷ lệ	%					
II	**Cấp thôn**						
1	**Thôn đạt chuẩn NTM**						
-	Số thôn (lũy kế)	Thôn					
-	Tỷ lệ	%					
2	**Thôn thuộc vùng ĐBDTTS miền núi thoát khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn**						
-	Số thôn (lũy kế)	Thôn					
-	Tỷ lệ	%					

Phụ lục 02

DANH SÁCH XÃ, THÔN THUỘC VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI THOÁT KHỎI ĐỊA BÀN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN; XÃ, THÔN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Văn bản số /SNNMT-VPĐP ngày tháng 9 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị)

Stt	Xã/thôn	Số xã/thôn	Tên xã/ thôn
I	**Xã thuộc vùng ĐBDTTS miền núi thoát khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn**		
1	Năm 2026		
2	Năm 2027		
3	Năm 2028		
4	Năm 2029		
5	Năm 2030		
II	**Thôn thuộc vùng ĐBDTTS miền núi thoát khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn**		
1	Năm 2026		
2	Năm 2027		
3	Năm 2028		
4	Năm 2029		
5	Năm 2030		
III	**Xã đạt chuẩn nông thôn mới**		
1	Năm 2026		
2	Năm 2027		
3	Năm 2028		
4	Năm 2029		
5	Năm 2030		
IV	**Thôn đạt chuẩn nông thôn mới**		
1	Năm 2026		

2	Năm 2027		
3	Năm 2028		
4	Năm 2029		
5	Năm 2030		